

## Section 2: Mở rộng từ vựng qua bảng từ

| . 3 . 3 1   |   |
|---|---|
| Vui lòng xem pdf này tại prep.vn<br>Exercise 1. Viết từ hoàn chỉnh dựa vào gợi ý đã | cho.  |
| 1. (adjective) filled with too many people or thing Answer:                         | gs (_VE R D)                                |
| 2. (verb) to choose something or someone (_EL<br>Answer:                            | )   |
| 3. (idiom) to be actively involved in something w<br>(_A PN)<br>Answer:             | ith other people                            |
| 4. (verb) to remove something (_E T_) Answer:                                       |   |
| 5. (verb) to try to find someone or something by ( A H)<br>Answer:                  | looking very carefully                      |
| 6. (noun) something that tells you that somethin (W NI)<br>Answer:                  | g bad might happen so that you can avoid it |
| Exercise 2. Chọn từ thích hợp với nghĩa đã cho.                                     | • W I W                                     |
| Phiên họp   | get in touch                                |
| Đóng, tắt   | hold  |
| Liên lạc, liên hệ   | location                                    |
| Trưng bày   | session                                     |
| Tổ chức   | display                                     |
| Tìm ra, hiểu ra   | figure out                                  |
| Vị trí, địa điểm  | shut down                                   |
|   |   |

## Exercise 3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành bảng word family dưới đây.

| NOUN            | VERB      | ADJECTIVE  | ADVERB |
|-----------------|-----------|------------|--------|
| (1)             | associate | associated |        |
| (2) (chỉ người) | attend    |            |        |
| attendance      |           |            |        |
|                 |           |            |        |



| selection  | select | (3)       |  |
|------------|--------|-----------|--|
| access     | access | (4)       |  |
| allocation | (5)    | allocated |  |
| (6)        | fail   | fallible  |  |

| Chỗ trống |  |
|-----------|--|
| Chỗ trống |  |

Exercise 4. Ghi âm cách bạn đọc các từ/ cụm từ dưới đây. get in touch

Vui lòng ghi âm tại Prep.vn

## hold

Vui lòng ghi âm tại Prep.vn

# Prep.vn REP.VI

#### location

Vui lòng ghi âm tại Prep.vn

#### overcrowded

Vui lòng ghi âm tại Prep.vn

### select

Vui lòng ghi âm tại Prep.vn

#### session

Vui lòng ghi âm tại Prep.vn

#### access

Vui lòng ghi âm tại Prep.vn



| delete  |  |
|---|--|
| Vui lòng ghi âm tại Prep.vn   |  |
| search  |  |
| Vui lòng ghi âm tại Prep.vn   |  |
| warning   |  |
| Vui lòng ghi âm tại Prep.vn   |  |
| Exercise 5. Nghe và điền MỘT từ còn thiếu vào Vui lòng xem audio này tại Prep.vn  | chỗ trống để hoàn thành đoạn văn dưới đây.   |
| I strongly urge you to read the manual before att may be tempted to ignore this advice but I'm able to out this program on your own competitors' products that aren't wit shut down without warning. In fact, when you st have files so, in case of system failu your system, all your files could be da CD, you will have no trouble them was the file of the product of t | you all: it is not likely that you will be n. This is especially important for owners of our th this program. Your computer could crash or art working with this program, make sure you re, you will not lose your work. Remember, if leleted. But if you have duplicated the files onto |
| <ul> <li>Exercise 6. Chọn từ thích hợp trong list từ đã ch</li> <li>Mỗi từ chỉ được điền một lần.</li> <li>Có 2 từ không cần dùng đến.</li> </ul>   | o để hoàn thành các câu dưới đây.  |
| Many associations and organizations hold annual conferences so that their members can with each other and take part in educational programs.  | hold   |
| When planning a conference, event coordinators try to have a variety of   | location   |
| People who attend can a workshop or meeting that best suits their needs.  | overcrowded  |
| When making arrangements for a conference, they look for a site that will all their needs.  | accommodate  |
| The site should be able to hold the number of people expected to attend, without the meeting rooms being  | get in touch   |
| Having meetings in a fun can really encourage people to register for the meeting.   | sessions   |
| Exercise 7. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trốn   | g để hoàn thành đoạn văn dưới đây.   |



search access failed

| shut down  | warning  | figure out  |   |
|--|--|---|---|
| l can'tf<br>believe that computer's _<br>you think I've<br>you can, wou  | what<br>for those t<br>my remair<br>e<br><br>uld you ple   | at to do. The<br>hat I could on<br>hing files are<br>_, but I have<br>to under<br>ease allocat  | outer, a warning pops up that says "Low Memory." From there, computer won't let me any of my files, so I can't delete. I've already deleted all of my duplicate files, and I can't e using up so much memory. I'd be happy to ignore the no option, since the display is frozen on this message. Do stand something about the operations of this computer? If e a few minutes in your busy schedule to help me solve this te that my software is compatible and is not the source of this |
| Exercise 8. £  | Diền dạng  | đúng của ti   | ừ trong ngoặc để hoàn thành các câu dưới đây.   |
| 2. People from and houses 3. People are (SELECT) 4. All perform (ATTEND) 5. All cigaret  | omin new cole becoming the becoming the becoming the becoming the becomes and the becomes are the becomes and the becomes are the become | cities a mmunities. If more and control of the | of the conference have not yet been announced. (LOCATE) and run-down industrial areas have been provided with jobs (OVERCROWDING)  more about the food they eat these days.  are encouraged to bring lawn chairs or blankets.  vernment health (WARN) al will always be freely (ACCESS)   |
| Exercise 9. 0 sau.   | Chọn từ vụ   | rng thích họ  | rp điền vào chỗ trống để hoàn thành các câu TOEIC part 5  |
| By adding m  | ore class  | , the st  | aff was able to please more members.  |
| A. selection A. selection B. selection C. selection D. selection D. selection D. selection A. selection A. selection B. se | ctive<br>cting   |   |   |
| In order to _  | your e   | e-mail mess   | ages, you must type in your password.   |
| A. acce B. atter C. loca D. disp   | nd<br>te   |   |   |



| The computer will you to save your work before quitting.   |
|--|
| <ul><li>A. search</li><li>B. hold</li><li>C. warn</li><li>D. take</li></ul>  |
| Exercise 10. Chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi để hoàn thành đoạn văn TOEIC part 6 sau.   |
| Memo   |
| To: All Office Staff   |
| From: IT Department  |
| Re: Avoiding Computer Problems   |
| We are here to help you with any problems you may have with your computer. Please make our job easier by observing the following guidelines.  • If you have problems seeing the display, check to make sure that your monitor is turned on.  • If your computer crashes, write down any warning message that appears. We can (1) a problem more easily if we have this information.  • Please do not install any new software without our approval. Some software is not (2) with what is already on the computer and can cause problems.  • Some parts of the company web site are only (3) with a password. If you need a password, please let us know and we will assign you one. |
| A. figure out  |
| B. get in touch  |
| <ul><li>C. take part in</li><li>D. shut down</li></ul>   |
| <ul><li>A. overcrowded</li><li>B. selective</li><li>C. fallible</li></ul>  |



| O. compatible  |
|--|
| A. accesses B. accessing C. accessible D. inaccessible   |
| Exercise 11. Đọc đoạn văn dưới đây và chọn câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi.<br>Jim,   |
| I have decided to get a new computer for my home office, and I need your advice to help me select the right one. I have <u>allocated</u> a certain amount of money from my budget for this. I think it is enough for a completely new system including computer, monitor, printer, and scanner. I would like to continue using the software I already use, so I need a system that is compatible with my current system and software. However, I think I should get a different brand. I have had nothing but trouble with the computer I have now. It often shuts down without warning, and sometimes I can't <u>access</u> my files. I haven't been able to figure out the reason for these problems, and no one has been able to fix it for me.  I plan to go to some stores this Saturday and Sunday to search for my new computer. Would you be able to go with me? If not, I'll call you before the weekend to get your advice. I have a big project coming up next month, so I would like to get my new computer up and running soon. Let me know if you can help me this weekend.  Janet |
| What does Janet want Jim to help her with?   |
| <ul> <li>A. Finding money to buy a computer.</li> <li>B. Accessing her files.</li> <li>C. Choosing a new computer.</li> <li>D. Repairing her computer.</li> </ul>  |
| What does Janet plan to do this weekend?   |
| A. Call Jim.   |
| B. Go on a date with Jim.  |
| C. Look for a new computer.  |
| D. Figure out the reason for her problems.   |



| Wher                  | n will Janet's big project begin?      |
|-----------------------|--|
|                       | A. Saturday.                           |
| $\bigcirc$            | B. Sunday.                             |
|                       | C. Before the weekend.                 |
|                       | D. Next month.                         |
|                       |  |
| The v                 | vord "allocated" is closest in meaning |
|                       | A. earned                              |
| $\overline{\bigcirc}$ | B. designated                          |
| $\overline{\bigcirc}$ | C. borrowed                            |
| $\overline{\bigcirc}$ | D. removed                             |
|                       |  |
| The v                 | word "access" is closest in meaning to |
|                       | A. save                                |
|                       |  |
| $\bigcirc$            | B. write                               |
| $\bigcirc$            | C. close                               |
| ( )                   | D. open                                |